

Số: /QĐ-TTYT

Thị xã châu, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước
năm 2025 (lần 1) của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỤC NGẠN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-SYT ngày 16/01/2025 Quyết định của Giám đốc Sở Y tế Bắc Giang về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2025(lần 1).

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai dự toán Thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 1) của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn (biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng, phó các khoa, phòng, Trưởng trạm Y tế các xã, thị trấn trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Y tế (báo cáo);
- Ban Giám đốc ;
- Website Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn

Mã số QHNS: 1066713, Chương : 423

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (Lần 1)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày tháng 01 năm 2025)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí; thu dịch vụ và thu khác	115.880.000.000	
1	Lệ phí, lệ phí	-	
	Thu từ dự phòng	-	
2	Thu dịch vụ	115.880.000.000	
2,1	Thu từ dự phòng	1.050.000.000	423-130-131
	Thu người bệnh	480.000.000	
	Thu dịch vụ	570.000.000	
2,2	Thu từ điều trị	108.950.000.000	423-130-132
	+ Thu từ BHYT	95.000.000.000	
	+ Thu từ người bệnh	11.000.000.000	
	+ Thu dịch vụ trông xe, căng tin, quầy thuốc	950.000.000	
	+ Thu từ XHH	2.000.000.000	
2,3	Thu từ TYT xã(KCB BHYT)	5.880.000.000	423-130-132
3	Thu khác	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	115.635.000.000	
1	Thu phí, lệ phí	-	
	Thu từ dự phòng		
2	Thu dịch vụ	115.635.000.000	
	Thu từ Dự phòng	955.000.000	423-130-131
	Thu từ Trạm Y tế	5.880.000.000	423-130-132
	Thu từ điều trị	108.800.000.000	423-130-132

3	Thu khác	-	
III	Số phí, lệ phí; thu dịch vụ và thu khác nộp NSNN	245.000.000	
1	Thu phí, lệ phí	-	
	Thu từ Dự phòng	-	
2	Thu dịch vụ	245.000.000	
	Thu từ khối Dự phòng	95.000.000	423-130-131
	Thu từ Trạm Y tế	-	
	Thu từ khối điều trị	150.000.000	423-130-132
3	Thu khác	-	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	63.644.000.000	
a	Kinh phí tự chủ	60.406.000.000	
1	Khối dự phòng-Quỹ tiền lương và định mức chi	14.875.000.000	423-130-131
2	Dân số -KHHGD - Viên chức dân số huyện-Quỹ tiền lương và định mức chi	1.336.000.000	423-130-151
3	Y tế xã	40.175.000.000	423-130-132
a	Kinh phí thực hiện chi cho con người (Tự chủ)	38.609.000.000	
b	Kinh phí chi thường xuyên của 29 TYT (29 TYT x 60 tr) tiết kiệm 10% còn lại 1,868tr	1.566.000.000	54 triệu/ Trạm Y tế/năm
4	Dân số xã	4.020.000.000	423-130-151
b	Kinh phí không tự chủ	3.238.000.000	423-130-132
b1	Thuê phần mềm quản lý hồ sơ điện tử tại huyện và TYT	270.000.000	130-132
b2	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (chi không TX) .Khối dự phòng	802.000.000	130-131
b3	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (chi không TX). Dân số huyện	71.000.000	130-151
b4	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (chi không TX). TYT xã	1.868.000.000	130-132
b5	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (chi không TX). Dân số xã	227.000.000	130-151

